

Code: Kinh Văn số 1637

Tập đại thừa tướng luận Quyển thượng

- *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thứ tự Kinh Văn số 1637, từ trang 145 đến 150. Giác Kiết Tường Bồ Tát tạo Tây Thiên dịch kinh.*
- *Tam Tạng Triêu Phụng Đại Phu Thức Quang Lục Khanh Truyền Pháp Đại Sư Sắc Tử Thần Thí Hộ phụng chiếu Vua dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điền, Phương Trượng chùa Viên Giác, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, từ ngày 28 tháng 12 năm 2003, cùng với sự trợ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn, Tỳ Kheo Thích Hạnh Giới.*

Quy mạng đấng Diệu Cát Tường (Văn Thù Sư Lợi) Bồ Tát Ma Ha Tát. Con nay lược giải các tướng của Đại Thừa. Từ tâm Bồ Tát phát sanh ra đại bi tương ứng cùng với tất cả các pháp. Cho nên phải biết tất cả các pháp đều vô ngã. Nếu muốn biết về tướng của các pháp, bây giờ lược nói. Ở đây sao lại có tên là Nhứt Thiết Pháp?

Đó là uẩn, xứ, giới, duyên sanh, ba la mật, địa, không, Bồ Đề phần, Thánh đế, tính lự, vô lượng hành, vô sắc v.v... cho đến giải thoát tam ma bát đế. Trước hành giải thoát môn, thần thông đà la ni lực, vô sở úy, vô ngại giải, đại từ đại bi, Phật, cùng với các pháp quả Thanh Văn, biết rằng tất cả các tướng chân như thật tế, thì không có tướng của Pháp giới và tất cả các pháp.

Nói là uẩn nghĩa là năm uẩn. Thế nào là năm?

Đó là sắc, thọ, tưởng, hành, thức. Ở đây sắc gồm có ngũ căn và ngũ cảnh. Căn gồm nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân. Cảnh gồm sắc, thanh, hương, vị, xúc.

Nơi con mắt thức nương vào gọi là thanh tịnh nhãn căn. Ở nơi tai thức nương vào nên gọi là thanh tịnh nhĩ căn. Mũi là nơi thức nương vào nên gọi là thanh tịnh tỷ căn. Thiệt thức là nơi nương vào của thanh tịnh thiệt căn. Thân thức nương vào nơi thanh tịnh thân căn.

Sắc có hai loại: Hiển sắc và hình sắc. Hiển có nghĩa là màu xanh v.v... Hình có nghĩa là dài, ngắn v.v... Thinh có ba loại: Nghĩa là chấp thọ đại chủng, bất chấp thọ đại chủng, và cụ đại chủng.

Hương có hai loại, đó là mùi thơm và mùi không thơm.

Vị có sáu loại, đó là đắng, chua, ngọt, cay, mặn, nhạt.

Xúc có 11 loại, đó là cứng cáp, chảy đều, ấm lạnh, động nhẹ, động mạnh, nhám rít, đói khát v.v... như vậy ở đây nói tổng lược vậy.

Ở đây 3 loại: Nghĩa là khả ý, bất khả ý và trung gian giữa hai loại này. Điều này như thế đều do mắt mà sanh ra. Vì cảnh giới của các loài mà phân biệt ra ba đời. Sự phân biệt đó có vô biên phần nhỏ nhặt sai biệt về hình tướng. Phải nên biết điều này là như vậy. Đó là lược nói về sắc uẩn.

Thọ uẩn nghĩa là gì?

Thọ có ba loại: Đó là khổ thọ, lạc thọ và bất khổ bất lạc thọ, mà ba thọ khổ này nương vào nơi mắt để phân biệt. Có sáu phần theo kia mà phân biệt. Thọ là có 18 loại như phía dưới của giới phân biệt rõ ràng về hình tướng. Thọ uẩn này ở nơi giới thú phân biệt có vô biên hình tướng. Nên biết điều này là như thế lược nói về thọ uẩn.

Tướng uẩn nghĩa là gì?

Tướng có sáu loại. Đây thuộc về hành tướng, nghĩa là nương vào mắt để phân biệt nơi kia bị cái thủ là tướng của cảnh giới. Nơi đây có 6 loại. Do tướng thủ mà có hình tướng vậy, nương vào tánh tức chẳng có thể phân biệt. Nếu phân biệt, hoặc chẳng phân biệt, nghĩa là tức sắc và thọ hay pháp. Điều này như thế mà tất cả đều từ ngã uẩn của các loại khởi lên. Tướng uẩn này ở cảnh giới phân biệt có vô biên phần hành tướng, phải biết như thế mà lược nói về tướng uẩn.

Còn hành uẩn thì phải như thế nào?

Nghĩa là tâm sở hữu pháp, tin về phân thiện, tham, sân, si v.v... là phần các phiền não. Đó là tâm sở pháp. Các phần của tâm làm chủ hành tướng nương vào nơi mắt mà chuyển đổi. Đây là hành uẩn. Nếu ở cảnh giới phân biệt có vô biên phần hành tướng. Nên biết điều này như thế mà lược nói về hành uẩn.

Thức uẩn là thế nào?

Nghĩa là sáu thức của thân. Thức uẩn này nương vào nơi mắt, và đối tượng của mắt để phân biệt trở thành tướng của thức kia cho đến thiện, bất thiện, vô ký v.v... Phân biệt có vô biên phần hành tướng. Nên biết điều này là như vậy, lược nói về thức uẩn.

Như trên đã nói tổng quát về năm uẩn. Bây giờ nói đến xứ, tức có 12 xứ. Nghĩa là bên trong có 6 xứ, là nhãn, nhĩ, tỷ, thiệt, thân, ý, bên ngoài có 6 xứ là: Sắc, thanh, hương, vị, xúc, pháp. Trong này nên biết nhãn và năm sắc kia cùng năm cảnh hợp lại thành 10 sắc xứ hợp với ý xứ, nghĩa là tạo nên các pháp nghĩa là pháp xứ.

Bây giờ nói về giới. Tức có 18 giới. Nghĩa là 6 căn, 6 cảnh và 6 thức. Ở đây con mắt do thức phân biệt có 6 loại, tức là 6 xúc. Nghĩa là nhãn xúc cho đến ý xúc và sắc kia cùng thức có 3 loại tướng, nghĩa là thiện, bất thiện và trung gian. Đây là hành tướng. Nhãn và xúc làm 3 thọ sanh ra tánh của nhân. Tức là 3 thọ kia từ mắt và xúc sanh ra có 6 loại. Sáu loại kia mỗi mỗi phân biệt sanh ra 3 loại nghĩa là khổ, lạc và bất khổ bất lạc. Như thế tổng nói về xúc, thọ. Mỗi thứ đều có 18. Như trước đã nói về thọ uẩn, hành tướng cũng là như vậy.

Lại nữa các tướng của đất, nước, gió, lửa, không, thức, tên gọi là 6 giới. Nói là do duyên sanh thì hành tướng như thế nào?

Tức là 12 duyên sanh vậy. Những gì là 12 ?

Đó là vô minh cho đến lão tử. Ở trong này vô minh nghĩa là quả của nghiệp, nghĩa là trong pháp thật là không đúng. Do đó mà vô minh khởi lên các phiền não. Cho nên nơi vô ngã hợp chung với ngã uẩn mà thành. Vô minh duyên vào hành. Hành lại có 3 loại. Đó là phước hành, tội hành và bất động hành. Phước hành tức là 10 thiện nghiệp đạo. Tội hành tức là 10 bất thiện nghiệp đạo. Bất động hành nghĩa là vô sắc v.v... Những hành như thế ở đây vô minh làm nhân mà các hành được sanh ra.

Hành duyên vào thức cho nên, mắt và các thức, ái, chẳng ái, quả chủng tử sanh trưởng. Thức duyên với danh sắc, sanh sắc này nghĩa là do thức tạo ra cái danh kia. Danh có danh xứ, cho nên thọ và bốn uẩn gọi là danh sắc. Như thế nương vào danh để thành lập. Danh sắc duyên vào lục nhập. Ở kia có 6 xứ, nghĩa là do danh, sắc, nhãn, như thế và 6 xứ kiến lập lục xứ duyên vào xúc.

Xúc nghĩa là con mắt tiếp với sắc như trước đã nói. Xúc duyên thọ. Thọ có 3 loại như phía trước đã nói. Ở đây xúc, thọ, hành tướng phải nên biết. Thọ duyên ái, ái do vô minh. Ái duyên thủ. Thủ nghĩa là sắc và chỗ chấp thủ mà sanh ra niềm vui. Hữu duyên sanh, nghĩa là danh sắc có chỗ sanh khởi. Do vô minh kia mà có sanh pháp. Tức điều này do tự tánh vô minh vì không phân biệt. Sanh duyên vào lão tử. Lão nghĩa là các uẩn đều thay đổi. Tử nghĩa là uẩn kia hoại diệt.

Các pháp sanh ấy sau đó là không. Mà kỳ thật trước sự có của thân cũng phải xả ly. Tuy nhiên vô minh kia ở nơi uẩn kế tiếp trở lại lưu chuyển rồi tăng trưởng tất cả các phiền não sai quấy. Rồi tất cả do vô minh và các loại phiền não kia trở lại làm nhân. Cho nên phiền não nghiệp lại sanh. Điều này có 3 cái chẳng đoạn mà bị luân hồi tương tục lưu chuyển. Như thế phải nên biết nên thật pháp mà khởi lên sự đối trị. Khi vô minh hết thì tự tánh vô ngã. Như thế lược nói về 12 duyên sanh.

Nói về Ba La Mật Đa thì hành tướng như thế nào?

Ở đây có 10 loại. Trong này thì lại có 3 loại. Đó là Pháp thí, chẳng nói đối để thí, và thí lòng từ.

Giới lại có 3 loại đó là nhiếp luật nghi giới, nhiếp thiện pháp giới và nhiều ích hữu tình giới. Nhân nhục có 3 loại. Đó là Đế sát pháp nhân, chịu nhân sự nguy hại oán giận và an lòng thọ nhận sự khổ. Tinh tấn có 3 loại. Nghĩa là Mặc giáp tinh tấn, Gia hạnh tinh tấn và Tất cánh tinh tấn.

Định lại có 3 loại: Nghĩa là Ly quá thất định, Dẫn phát định và Biện sự định.

Huệ lại có 3 loại: Nghĩa là Nghe được huệ, Suy nghĩ được huệ, Tu được huệ.

Phương tiện có 3 loại: Nghĩa là Lìa quá phương tiện, Cứu vớt phương tiện và Xa chúng lạc phương tiện.

Nguyện có 3 loại: Nghĩa là Tự làm thành tựu nguyện, Nguyện giải bày cho chúng sanh những trói buộc và Nguyện cho cảnh giới Phật thanh tịnh.

Lực có 3 loại: Thành biện sự nghiệp lực, Diệt trừ phiền não lực và Hàng phục ma oán lực.

Trí là có 3 loại: Vô phân biệt trí, Phân biệt bình đẳng giác liễu trí và Diệt chúng sanh tội trí.

Như thế là những sự cho đó có tính cách Ba La Mật Đa (rốt ráo đến bên kia bờ giải thoát) mà Bồ Đề tâm trước tiên có ở nơi tất cả chúng sanh khởi lên tâm từ để quán sát và những Ba La Mật Đa này ở thế gian, sở hành và vô hữu hành tướng lại chẳng thể được. Ở nơi xuất thế uẩn và điều này tức là tướng vô ngã giải thoát, chơn thật chứng được như lý mà quán sát.

Nói đến địa tức là thập địa. Nghĩa là hoan hỷ địa, tu thí Ba La Mật Đa. Ly cấu địa tu giới Ba La Mật Đa. Pháp quang địa tu nhân nhục Ba La Mật Đa. Diệm Huệ địa tu tinh tấn Ba La Mật Đa. Nam thắng địa tu định Ba La Mật Đa. Hiện tiền địa tu huệ Ba La Mật Đa. Viễn hành địa tu phương tiện Ba La Mật Đa. Bất động địa tu nguyện Ba La Mật Đa. Thiện Huệ địa tu lực Ba La Mật Đa. Pháp vân địa tu trí Ba La Mật Đa. Như vậy các địa đều được cái lý vô ngã, tất cả đều chứng các tâm từ không có sai biệt, mà ở nơi kia tu thí Ba La Mật Đa, an tịnh thanh tịnh cao cả mà được. Vì nguyện lực rộng lớn phổ biến thành tựu chẳng cùng với tất cả Thanh Văn vậy. Đó là các Ba La Mật Đa. Ở nơi ấy duyên vào tướng chẳng sai biệt. Hoặc nhân hoặc pháp đều lìa tướng không vậy.

Nói về không, tức là nói 18 không. Nghĩa là mắt và không gọi là nội không. Sắc và không thì gọi là ngoại không. Mắt và sắc cùng trí quán bình đẳng thì gọi là nội ngoại không. Cho đến phân biệt các loại tướng của thế gian, mỗi mỗi quán sát, mỗi mỗi thành không. Nên có tên là đại không. Ở nơi các phân biệt lìa tánh thủ xả, nói tên là không. Không này lại là không. Cho nên có tên là không không. Nơi thắng nghĩa để quán chẳng thể được, tên là thắng nghĩa không. Ở nơi thí và làm các pháp đều bình đẳng tên gọi là không. Các pháp vô vi không phát hiện được tướng của sự giác ngộ tên gọi là không. Ở nơi pháp không chẳng có ít pháp mà thật có thể chuyển được. Tan ra mà không tập hợp lại được cho nên có tên là tán không. Tất cả pháp kia chẳng có biên tế nên gọi là vô tế không. Trong tất cả pháp tất cánh chẳng có một pháp nào là chẳng không cho nên có tên là tất cánh không. Uẩn và các pháp tự tánh cũng như thế chẳng nơi sanh khởi, lìa tướng tự thủ xả cho nên gọi là tự tướng không và tất cả các pháp kia không. Không sai

biệt tên gọi là nhứt thiết pháp không. Ở nơi ngã uẩn thủ xả chẳng thể được nên gọi là chẳng thể được không. Chẳng thể được không này nghĩa là sắc và tướng chẳng thể được vậy. Lại có cái tánh của nghiệp. Nên gọi là tướng không. Là người hay pháp, tự tánh kia là không. Nên có tên là tự tánh không. Ở nơi các tánh lìa tánh thủ xả nên gọi là vô tánh không. Vô tánh kia nghĩa là lìa uẩn và tánh vô biệt vậy. Nếu lìa uẩn và tự tánh khởi không phân biệt thì đối phá tướng tức gọi là vô tánh tự tánh không. Hoặc ở kia như thế phân biệt cho đến tận xứ. Tức hay giải thoát sắc và sự ràng buộc. Lại chẳng phân biệt có vô biên phần, lìa uẩn và thủ xả tức là một tướng, mà một tướng kia thì tánh lại không có hai. Cái kia như thế cho nên tức là Ba La Mật Đa an trụ ở nơi một cảnh. Tự tánh không, lý ấy lìa các tướng hỷ luận. Nên quán như thế tức là vô ngã chân thật, để mà quán.

Nói là Bồ Đề phân tức là 37 phẩm Bồ Đề nghĩa là: Tứ niệm xứ, cho đến Bát Chánh Đạo. Tứ niệm xứ là thân thọ tâm pháp. Ở trong này thân niệm xứ là quán thân không có nhiều loại tích chứa mà chẳng có dính mắc. Lìa tướng thủ xả v.v... cho nên có tên là thân niệm xứ đều quán sát như vậy. Lại nữa tức giữa pháp niệm xứ này hoặc ở trong ngoài hoặc ở giữa mà phân biệt có 3 loại. Nghĩa là tinh tấn, định và chánh niệm. Ba La Mật Đa tương ứng với hay quan sát các Bồ Tát tối thắng Bồ Đề tâm và thí tất cả thiện hạnh. Ở nơi tất cả các pháp mà được vô ngã tương ưng. Nội tối thắng này như thế lược nói là 4 niệm xứ. Các pháp khác cũng như thế mà nên biết.

Tứ chánh đoạn nghĩa là đối trị với phi Bồ Đề phân tức là sự sanh rồi làm đoạn lìa, chưa sanh làm cho sanh. Ở đây gọi là sanh đoạn 2 loại bất thiện chẳng có đối trị. Những phần Bồ Đề chưa sanh thì làm cho sanh. Khi sanh rồi làm cho tăng trưởng. Đây gọi là siêng tu hai việc lành. Như thế hoặc nói lược nói gọi là tứ chánh đoạn.

Tứ thần túc nghĩa là dục, tinh tấn, Tam Ma Địa, Huệ. Như thế tương ưng với hành, tăng thượng quả sở đắc. Ở nơi sở đắc này mà quán dục và sở duyên. Nghĩa là 4 loại Tam Ma Địa, mà ở kia thân tâm lìa sự nương vào chỗ ở và lìa tham tướng, nương vào nơi tịch diệt, chẳng có tác hành. Như thế lược nói là tứ thần túc.

Ngũ căn, ngũ lực tức hiểu tất cả quả của tướng. Nghĩa là tín, tinh tấn, niệm, định, huệ và tướng tăng thượng tương ưng với căn lực. Như thế lược nói ngũ căn, ngũ lực.

Lại nữa, ở trong này như thế và sở uẩn, xứ, giới v.v... tức 2 giác liễu phần. Nghĩa là noãn danh vị. Noãn vị tu Tứ niệm xứ. Danh vị tu Tứ chánh đoạn. Lại nữa có 2 thắng giác liễu phần. Nghĩa là nhân thể đệ nhất pháp nhân vị tu tứ thần túc. Thể đệ nhất vị vị tư ngũ căn, ngũ lực. Cái kia như thế và vô sở tác hành. Tối thượng chân thật. Tín và căn lực làm kiên đạo duyên theo hành tướng. Nên biết ở kiến đạo sở tu kia nghĩa là thất giác chi. Thất giác chi là Niệm giác chi là làm lợi ích chúng sanh chứng được Bồ Đề nguyện. Hiện tiền chánh niệm, vô vọng mất tướng. Trạch pháp giác chi là ngã pháp tự tánh quyết chọn làm tướng. Hỷ giác chi là tự mình tu đạo được vô lậu nhơn sanh hỷ lạc vậy. Khinh an giác chi có nghĩa là chứng được chơn thật pháp tánh. Chẳng phải hạt giống của Bồ Đề phân mà xả lìa vậy. Thân nghiệp, tâm nghiệp được khinh an. Định giác chi nghĩa là tứ vô lượng và Bồ Đề nguyện. Vào chơn như trí thuần nhất cảnh tướng. Tinh tấn giác chi là tuy quán tịch tĩnh thắng thượng công đức môn nhưng mà chẳng bị đắm nhiễm. Siêng tu các hành lại chẳng giải đãi. Xả giác chi nghĩa là nhớ nghĩ đến sự lợi ích chúng sanh như thế mà điều phục. Tùy theo sở hành Ba La Mật Đa và những pháp công đức. Bình đẳng phân biệt xem chẳng đến đi. Trụ ở nơi bình đẳng vậy. Như thế lược nói tên của Thất Giác Chi. Tức như thế cùng với Thất Giác Chi Hành, tên là Chánh Trí Phần. Ở kia hay đối trị với phiền não chướng và sở tri chướng hành tướng. Hay biết tu đạo và hay tu. Tức Bát Chánh Đạo.

Bát Chánh Đạo nghĩa là chánh kiến cho đến chánh định.

Ở đây Chánh Kiến nghĩa là biết tất cả pháp đều là vô ngã tướng. Trụ ở bình đẳng, khổ và điên đảo. Ở đây có một phần là vi diệu tướng, thắng huệ sở quán.

Chánh Tư Duy nghĩa là khởi lên tư duy, chẳng đoạn sở tác nhờn, như nguyện mà chứng quả.

Chánh Ngữ nghĩa là những lời nói lia sự hư dối, phân biệt như thật mà nói.

Chánh Nghiệp nghĩa là làm hay làm mà không điên đảo, chẳng hại chúng sanh mà hay cứu giúp chúng sanh v.v... Lìa vọng mà tu.

Chánh Mệnh nghĩa là mạng sống thanh tịnh, lìa những tà vọng... Tự làm, hay tu và thực tập việc ấy để chứng.

Chánh Cần nghĩa là đến Tới Thượng Địa mà lại tăng tiến. Thân không sanh mệt mỏi. Tâm sanh mạnh mẽ.

Chánh Niệm nghĩa là niệm xứ và như thật mà quán. Từ tâm trang nghiêm tự nguyện phương tiện. Ở nơi tất cả pháp chẳng quên mất.

Chánh Định nghĩa là thân và nghiệp mà thường hay nương vào nơi tối thắng công đức.

An trụ vô phân biệt trí. Tức các tướng tính lự tương ưng với bình đẳng. Như thế lược nói tên 37 pháp Bồ Đề phần. Tùy theo hành tướng mà ghi lược lại như thế.

Quyển thượng hết

Tập Đại Thừa Tướng Luận Quyển hạ

- *Đại Chánh Tân Tu Đại Tạng Kinh, Quyển 32 thuộc Luận Tập Bộ Toàn. Thứ tự Kinh Văn số 1637, từ trang 145 đến 150. Giác Kiết Tường Bồ Tát tạo Tây Thiên dịch kinh.*
- *Tam Tạng Triều Phụng Đại Phu Thích Quang Lục Khanh Truyền Pháp Đại Sư Sắc Tử Thần Thí Hộ phụng chiếu Vua dịch từ chữ Phạn sang chữ Hán.*
- *Sa Môn Thích Như Điển, Phương Trượng chùa Viên Giác, Đức quốc, dịch từ chữ Hán sang tiếng Việt tại Tu Viện Đa Bảo, Úc Đại Lợi, từ ngày 28 tháng 12 năm 2003, cùng với sự trợ dịch của Tỳ Kheo Thích Đồng Văn, Tỳ Kheo Thích Hạnh Giới.*

Lại nữa nói về Thánh Đế tức là Tứ Diệu Đế. Đó là Khổ, Tập, Diệt và Đạo. Ở đây khổ thánh đế nghĩa là uẩn và tướng điên đảo lấy thánh pháp làm tánh. Tập thánh đế theo đó mà nói khổ là do vô minh, hành và phiền não nghiệp, tập hợp lại làm duyên mà sanh và khổ làm cái tánh của nhờn. Diệt thánh đế nghĩa là tất cả pháp như thật vô phân biệt, vô sanh tướng làm tánh. Thế gian si ám là đối trị của diệt để chứng quả. Đạo thánh

đề nghĩa là thắng tới Bồ Đề, từ tâm và pháp cùng với pháp niệm xứ. Tổng lược mà nói đây là các Thánh Đế, ở nơi tất cả pháp bình đẳng mà duyên theo. Như vậy lược nói Tứ Thánh Đế.

Nói tinh lự tức là 4 tinh lự. Nghĩa là lia sanh hỷ lạc tên gọi là sơ tinh lự. Định sanh hỷ lạc gọi là đệ nhị tinh lự. Ly sanh diệu lạc nghĩa là đệ tam tinh lự. Như thế 4 loại đều có tướng yên lặng. Dục giới và tham tâm chẳng lưu động. Nên gọi là tinh lự, mà chư Bồ Tát lại chẳng đắm trước và các loại tinh lự, liền chẳng rời bỏ chúng sanh, viên mãn Bồ Tát đạo pháp, thành tựu vô lượng hạnh. Như thế lược nói tên là 4 tinh lự.

Gọi là Vô Lượng Hành, tức có 4 vô lượng hành. Nghĩa là từ, bi, hỷ, xả. Ở đây 4 loại đều duyên nơi vô lượng chúng sanh mà làm cảnh giới vậy.

Trong này từ vô lượng hành có nghĩa là cùng tất cả chúng sanh tất cánh lợi lạc. Hay tu các hành mà lia các tướng. Xa rời phiền não, thuận theo con đường Bồ Tát.

Bi vô lượng hành có nghĩa là chẳng làm cho chúng sanh có một sự khổ. Bi này có nghĩa là hay đối trị với não hại chẳng khởi làm tánh.

Hỷ vô lượng hành có nghĩa là chúng tất cả pháp vô ngã bình đẳng. Hay thí cho các thiện trụ Bồ Đề tâm. Rộng vì lợi lạc tất cả chúng sanh. Phương tiện làm cho việc làm sanh ra niềm vui và làm tướng thọ vui.

Xả vô lượng hành nghĩa là ở nơi 3 phân biệt bình đẳng mà khởi lên sự cứu giúp chúng sanh một cách rộng lớn.

Ở nơi Tam Ma Địa lạc mà chẳng đắm nhiễm. Ở đây có thể đối trị với buồng lung sai quấy. Tâm ấy trụ vào nơi thật tướng. Như hay điều phục thế gian tất cả những tướng chấp và tâm này có thể an trụ tinh lự. Ở nơi sắc tướng đối trị lại với thật pháp. Lại nơi vô lượng pháp môn được pháp bình đẳng. Trụ pháp vô ngã, như lý mà chứng. Thu hoạch tất cả bình đẳng lạc pháp. Có tên là Tự Tại Tối Thắng sở đắc. Như thế lược nói về Tứ Vô Lượng Hành.

Gọi là Vô Sắc Đẳng Chí ở đây có 4. Nghĩa là không vô biên xứ cho đến phi phi tướng xứ. Ở đây không vô biên xứ v.v... Nghĩa là lia các loại sắc đối với ngoại tướng. Quán vô biên không mà làm tương ưng. Xả các tướng, tâm trụ một cảnh. Lại nữa thức vô biên xứ v.v... vô sở hữu xứ... phi tướng phi phi tướng xứ... Như thế tất cả đều tịch tịnh hành như sơ tương ưng. Quán tướng vô tham mà làm sở duyên, trừ phục quán sát, không đắm trước, không nghi ngại. Như nơi tối thượng vô tướng sanh ra. Như thế lược nói tứ vô sắc v.v...

Nói là giải thoát tức là giải thoát. Nghĩa là bên trong thì quán hữu sắc và bên ngoài thì quán giải thoát cho đến diệt thọ tướng giải thoát. Ở nơi đây sơ giải thoát nghĩa là bên trong có sắc tướng, lia sắc thân bên ngoài. Nên gọi là quán sắc bên trong và giải thoát sắc bên ngoài. Lại nữa như hành tướng này bên trong không có sắc tướng, bên ngoài thì lia sắc thân. Cho nên có tên là nội vô sắc quán, ngoại sắc giải thoát.

Lại nữa nơi sắc và thanh tịnh trụ vô tham hạnh, nên có tên là tịnh giải thoát.

Lại nữa không vô biên xứ giải thoát, thức vô biên xứ giải thoát, vô sở hữu xứ giải thoát, phi tướng phi phi tướng xứ giải thoát. Như thế 4 vô sắc xứ giải thoát. Tất cả đều như hành tướng trụ như thật quán.

Lại nữa diệt thọ tướng giải thoát hành tướng nên biết như thế lược nói về tám giải thoát.

Gọi Tam Ma Bát Đế nghĩa là muốn ở nơi không, vô biên xứ kia cùng với Tam Ma Bát Đế. Trước tiên phải diệt các hành tướng. Trụ pháp tự tánh bình đẳng tịch tịnh. Sau đó mới an trụ nơi Tam Ma Bát Đế (Samapatti: Thiền định). Tên này trước gọi là hành. Lại nữa nên biết, 4 vô sắc v.v... và diệt tận mà các Bồ Tát ở nơi Mạo Lí Giới Đa Vị vào Sư Tử Du hí Tam Ma Địa, hiện tiền mà quán, chẳng làm phi Tam Ma Tư Đa tâm gián

đoạn. Lại cũng chẳng làm cho sơ tính lự ấy gián đoạn. Sự diệt tận này là tướng vô động. Ở nơi Tam Ma Bát Đê này, tại sao lần lượt như thế? Nghĩa là thành thực chúng sanh như ung sỏ quán thứ lớp như thế. Lại phải nên biết: Đây tức là cửa ngõ tối thượng lạc, giúp cho kẻ vui rồi biết rằng ngã là không thật. Ngã không thật cho nên tự tâm tịch tĩnh. Nên tu tập các thần thông Ba La Mật Đa. Tất cả thắng huệ sở quán như thật từ đó xuất sanh. Ở đây lược nói tắt cả các Pháp tướng.

Gọi giải thoát môn đó là 3 cửa giải thoát. Nghĩa là không, vô tướng, vô nguyện. Ở trong này không, giải thoát môn là hoặc người, hoặc pháp các uẩn và sự lìa tướng phân biệt, mà uẩn kia hoặc nhiễm hoặc sạch. Ở nơi tướng phân biệt đó tắt cánh vô tánh. Ở nơi pháp không, lìa tướng thủ xả, mà chẳng nhiễm, lấy trí như thật làm đối trị.

Vô tướng giải thoát môn nghĩa là uẩn đều tắt cánh vô tướng. Do vô tướng mà thủ chẳng thể được. Trí vô nhiễm kia lấy như thật đối trị chẳng tham trước với các tướng.

Vô nguyện giải thoát môn có nghĩa là tắt cả thanh tịnh giải thoát môn, uẩn, xứ, giới v.v... cùng Ba La Mật Đa viên mãn thắng hạnh tối thượng tắt cả tướng đều như thật trí. Như thật xuất sanh hiện tiền bình đẳng, lìa các sự chấp thủ, nguyện tâm được vui. Như thế ở đây lược nói về 3 giải thoát môn.

Gọi là thần thông, có 6 loại. Đó là Thiên Nhãn Thông cho đến Lưu Tận Thông. Ở đây Thiên Nhãn Thông nghĩa là các sắc tướng chánh quán không ngại, tối thắng thanh tịnh.

Thiên Nhĩ Thông nghĩa là tắt cả âm thanh có thể nghe được một cách thanh tịnh.

Tha Tâm Thông có nghĩa là tắt cả hành tướng của tâm khác đều có thể biết như thật.

Túc Mệnh Thông nghĩa là biết được quá khứ của mình và của người khác những sự kiện sai biệt trong quá khứ, có thể nhớ lại được.

Thần Túc Thông có 3 loại: Đó là ổn hiển tự tại, tùy theo các thể giới mà hiện thân nhiều loại, ở nơi hư không qua lại chẳng ngại. Tùy theo đó mà thay đổi, để hiện thân. Như thế mà ứng hiện, chẳng hiện tướng nơi thân mà dùng đến thần thông.

Lưu Tận Thông có nghĩa là vô minh, tham và phiền não. Tên ấy gọi là lậu, dùng trí để đoạn trừ đi, tên gọi là Lưu Tận.

Như thế đó là những lực thông tối thắng. An trụ nơi Bồ Đề tâm, lìa hí luận. Đó là sự thắng thượng sở tu của các Bồ Tát, không cùng tắt cả con đường Thanh Văn, đầy đủ vô tướng, vô phát ngộ tánh. Đó là các Ba La Mật Đa bình đẳng đạo hạnh. Hay nhiếp tắt cả những pháp tu, tắt cả nguyện lực, tắt cả tướng vậy. Dững mãnh tinh tấn mà làm kẻ dẫn đường. An trụ tối thượng thanh tịnh tâm và tánh của cảnh. Sự an ổn đầu cũng như tên gọi đúng nghĩa tùy ứng sai biệt. Vô biên hành tướng tổng lược nơi đây. Tam Ma Đà Da ở yên nơi đó vậy. Như thế nói lược về sáu phép thần thông.

Đà La Ni gọi là tắt cả tướng và tắt cả pháp. Tất cả pháp tánh tùy ứng tổng nhiếp. Nghe tên tuổi, câu văn làm các tướng của ý nghĩa. Nơi đó có nhiều niệm, nhiều sự biện tài và cùng của Tam Ma Địa. Nơi kia chẳng có tướng biết mà hay chúng đắc, đối trị với tướng có, có tâm nghi ngại. Đó là vô thượng Bồ Đề, tối thắng sở đắc Đà La Ni môn, mà ở nơi kia tắt cả Tam Ma Địa Đà La Ni liền chứng nhập vào Kim Cang Dự Định hiện tiền. Tức tắt cả tướng phổ biến bình đẳng. Nhập vô tướng trí, chơn thật mà chứng. Tất cả những loại đã huân tập, tắt cả đều xả bỏ, biết quán bình đẳng, đại bi tương ưng. Kiên cố mà làm nơi các pháp tánh, như thật giải thoát. Ở yên nơi Thắng Báo hiện tiền bình đẳng. Sanh vào nơi như thật của Đại Viên Cảnh Trí. Tất cả các nguyện lực đều viên mãn. Như thế lược nói về Đà La Ni.

Gọi là lực tức là Phật Thập Lực. Có nghĩa là xứ phi xứ trí lực đến lậu tận trí lực. Ở đây xứ phi xứ trí lực nghĩa là ở nơi tắt cả xứ, như quả quyết định, bất quyết định đều

biết như thật trí. Hoặc Phật, hoặc Phạm Vương, hoặc Chuyển Luân Thánh Vương. Tất cả họ đều chứng được Thắng Báo Quyết Định. Nên tên gọi là xứ. Còn chẳng phải xứ kia nghĩa là hơn quả chẳng quyết định và biết được hành tướng. Nghiệp báo trí lực nghĩa là các chúng sanh làm nên thiện nghiệp và ác nghiệp sanh vào đường lành, đường dữ. Những nghiệp báo này biết như thật, biết nhiều loại cảnh giới, biết lực ấy. Nghĩa là các chúng sanh nơi các đường sai biệt đều biết như thật vậy. Nhiều loại Thắng Giải Trí Lực nghĩa là các Thanh Văn và ở nơi các pháp khởi lên nhiều loại thắng giải, lìa các pháp nhiệm đến tướng tịch tĩnh. Như thế các trí biết như thật. Rõ ràng các căn trí lực nghĩa là các chúng sanh tin và nhiều gốc gác sai biệt như thế mà thật trí.

Chẳng những định trí lực nghĩa là tĩnh lực đầu và Tam Ma Địa Tam Ma Bát Đê như tên, như ý nghĩa, có rất nhiều hành tướng, biết như thật trí.

Chí xứ đạo trí lực có 2 loại. Đó là phi ác lạc đạo tức vô minh và khả ái lạc đạo nghĩa là tịch diệt, mà sự diệt kia nghĩa là Thanh Văn, Duyên Giác cùng các Bồ Tát chứng được sai biệt trí và biết được như thật.

Sanh Diệt Trí Lực nghĩa là các chúng sanh nhiều lần sanh diệt biết được như thật trí.

Túc Trụ Tùy Mệnh Trí Lực nghĩa là việc trong quá khứ nhớ nghĩ như thật.

Lậu Tận Trí Lực nghĩa là Phật, Thế Tôn, Đại Viên Cảnh Trí, Tự Tánh Quán Sát, lìa tất cả những chướng ngại phân biệt bình đẳng. Như thế xứ, phi xứ và các lực. Như Lai đã chứng các du hí thần thông vậy. Những lực như thế đều đầy đủ. Tức tất cả pháp thắng thượng sở quán. Như thế nói lược, có tên là thập lực.

Nói vô úy tức có 4 loại. Đó là nhứt thiết trí vô úy, lậu tận vô úy, thuyết chứng đạo vô úy, và xuất khổ đạo vô úy. Như thế hoặc khác, hoặc chẳng khác. Có nơi tất vô sở đắc, vô úy tự tại. Tất cả 4 loại đầy đủ, dùng trí bình đẳng tánh mà quán. Như ý bảo, tùy ý chúng sanh, phổ biến bình đẳng, pháp này cũng lại như vậy. Ngã tướng thanh tịnh lìa những sự khổ, như thế lược nói 4 sự vô úy.

Gọi là vô ngại giải thoát nghĩa là nói pháp lạc và biện tài. Trong này ý nghĩa của vô ngại giải nghĩa là tất cả chúng sanh đều vô ngã tướng, lấy trí tuệ vi diệu bình đẳng mà quán.

Pháp vô ngại giải nghĩa là tùy theo các tướng biết được các pháp, trí quán bình đẳng.

Lại thuyết vô ngại giải nghĩa là vô biên pháp môn tùy ứng phân biệt, thông đạt vô tướng. Như thế cùng tất cả các pháp tăng thượng tương ưng. Tất cả đều nhiếp hóa những ngu si kia và làm cho được điều phục an trụ nơi các pháp, lìa tướng, bình đẳng vậy. Tất cả 4 loại này đều dùng Diệu Quan Sát Trí mà quán. Như thế ở đây nói lược về 4 vô ngại giải.

Gọi Đại Từ Đại Bi ở nơi đây. Từ có nghĩa là làm cho chúng sanh vui. Trụ tâm ở nơi tịch tĩnh, chẳng có tướng phát ngộ. Rộng rãi tối thắng, lìa tướng, bình đẳng. Bi có nghĩa là loại trừ sự khổ. Nghĩa là hay điều phục những việc khó, chẳng bỏ chúng sanh, lìa các tướng có. Cả hai này đều lấy Thành Sở Tác Trí mà quán. Ở đây xin lược bớt về Đại Từ, Đại Bi.

Gọi Phật bất cộng pháp tức là 18 pháp bất cộng. Nghĩa là Như Lai thân chẳng mất cho đến Hiện Tại Tri Kiến vô trước vô ngại.

Ở đây điều đầu tiên là chẳng mất thân Như Lai, chẳng có một nhọc, lìa thân như thế. Cho nên Như Lai là chẳng mất, chẳng phải ái ngữ, lìa lời nói vậy. Ý của Như Lai không mất, chẳng có mất niệm, lìa ý vậy. Như thế 3 nghiệp làm cho kẻ ngu si sanh tịnh tín vậy. Chẳng khác tướng tâm ở nơi tất cả chúng sanh trụ tâm bình đẳng, chẳng có bất định tâm. Vì muốn làm cho chúng sanh ngu si kia trừ được tướng tán loạn.

Vô bất trí xả tâm nghĩa là tất cả các chúng sanh việc chẳng có, không biết mà bỏ. Ở đây có 6 phép. Nghĩa là sẽ sanh vào tầng thượng giới học cùng với vô trụ Niết Bàn mà làm như vậy. Lòng tin không giảm có nghĩa là chẳng trụ ở nơi Niết Bàn, chẳng mất lòng tin.

Dục vô giảm nghĩa là chẳng trụ nơi Niết Bàn, chẳng bị ái trước vậy.

Tinh tấn vô giảm nghĩa là ở nơi lợi của đời sống và việc làm chẳng phải trụ.

Huệ vô giảm nghĩa là tất cả nơi thế gian, trưởng dưỡng chúng sanh, chẳng thông đạt vậy.

Giải thoát vô giảm nghĩa là chẳng chấp Thanh Văn và tướng Niết Bàn.

Giải thoát tri kiến vô giảm là làm lợi cho chúng sanh, hay biết phá tướng hý luận làm cho tất cả chúng sanh mỗi mỗi bình đẳng và chúng đắc vô thượng Niết Bàn. Đây là 6 pháp mà nơi tầng thượng định học kia sẽ sanh vào vậy, cũng chẳng trụ nơi Niết Bàn mà cũng do duyên vậy. Thân nghiệp tùy theo trí huệ của hành giả. Nghĩa là tất cả xử hoặc động, hoặc dừng tướng kinh hành, thường cùng với trí tuệ mà cùng tương ứng. Cho nên trí huệ là kẻ dẫn đường.

Ngữ nghiệp tùy trí huệ hành. Nghĩa là tất cả lời nói lìa sự hư vọng phân biệt thường cùng với trí tuệ tương ứng. Nghĩa là trí huệ làm kẻ dẫn đường.

Ý nghiệp tùy trí huệ hành nghĩa là nơi chúng sanh trụ tâm bình đẳng, tùy theo sự lợi ích chẳng có sai biệt. Thường cùng với trí huệ mà tương ứng. Cho nên trí huệ là kẻ dẫn đường.

Quá khứ tri kiến vô trước vô ngại nghĩa là bên trong chẳng có tánh, tên gọi là vô trước. Bên ngoài lìa các sự cột trói gọi là vô ngại. Ở nơi tất cả các pháp trong quá khứ, bình đẳng tất biết, phá tướng hý luận.

Vị lai tri kiến vô trước vô ngại nghĩa là ở vị lai tất cả pháp bình đẳng tất tri, phá tướng hý luận.

Hiện tại tri kiến vô trước vô ngại nghĩa là hiện tại tất cả pháp bình đẳng tất tri, phá tướng hý luận. Đây là 6 pháp mà tầng thượng huệ học kia được xuất sanh vậy. Các pháp này chỉ có Phật Như Lai mới đầy đủ, thành tựu vô thượng thắng tri. Vì lợi ích chúng sanh và tùy theo chúng sanh mà chuyển, chẳng cùng với tất cả Thanh Văn mà có. Pháp giới thanh tịnh trí từ đây mà sanh. Như thế lược nói 18 pháp bất công vậy.

Thanh Văn quả tức là 4 quả Thanh Văn. Đó là Tu Đà Hoàn cho đến A La Hán.

Ở đây Tu Đà Hoàn là xa rời sự khổ, hân hoan vui vẻ. Tùy theo đoạn trừ những phiền não 7 lần sanh tử, thấy được chân lý của sự khổ mà ngộ rằng con người vô ngã chỉ hướng thẳng đến Niết Bàn.

Tư Đà Hàm là lìa khổ được vui. Tùy theo sự đoạn diệt và trừ khử các phiền não. Còn một lần đến thế giới này, thấy chơn lý của sự khổ mà hiểu người vô ngã, thẳng đến Niết Bàn.

A Na Hàm là kẻ lìa khổ được vui. Chẳng ở nơi dục giới mà có thể đoạn được phiền não, chẳng muốn trở lại cõi dục giới mà muốn ở cõi sắc và vô sắc giới. Tùy theo phương tiện thấy được giải thoát qua chân lý của sự khổ mà ngộ rằng con người vô ngã, thẳng đến Niết Bàn.

A La Hán tức là xa rời các phiền não của tam giới. Các khổ sở nhỏ nhiệm, ngộ được lý vô ngã, tùy theo sự ứng hiện giải thoát và thẳng đến Niết Bàn. Như thế lược nói về bốn quả Thanh Văn.

Gọi là Liễu Tri tất cả tướng nghĩa là Phật Như Lai ở nơi tất cả tướng như thật mà biết rõ hiện tiền bình đẳng. Tất cả tướng tức là tất cả pháp. Chư Phật Như Lai vì sự lợi ích của thế gian, tất cả đều hướng đến sự tùy thuận, phương tiện, được chỗ không quên mất mà ở nơi tướng kiên cố.

Ở đây nên biết về ba thân lại có tên là tất cả tướng. Pháp thân tự tánh thì vô ngã tri tướng. Chẳng phân biệt vậy. Báo thân là tối thắng tướng. Tức tất cả tướng tri sở y

tánh. Hóa thân để làm những công việc ở tất cả nơi như ứng hiện hóa mà chỉ bày vậy. Lại nữa tất cả các tướng tùy rằng biết nhưng không phân biệt. Vì sự lợi ích chúng sanh mà tùy đó ứng hiện, theo đó mà làm. Đó là tướng tịch diệt chẳng duyên vào tự tánh, tất cả bình đẳng. Cho đến uẩn và tất cả tướng đều lại vô biên. Hoặc ở nơi tam giới, hoặc xuất ly tam giới nên như thật mà biết các tướng đều chẳng thể được. Như thế gọi là liễu tri như thiết tướng.

Gọi là Chơn Như, tức là tất cả pháp tự tánh lia sự thủ xả. Hoặc kể trí, hoặc người ngu, hoặc sắc, hoặc tâm, trụ ở nơi bình đẳng tánh, lia hư vọng, vô phân biệt. Đây tên gọi là Chơn Như.

Gọi thực tế tức là tánh Bồ Đề của tất như lượng như thật, lia tất cả phân biệt. Ở đây nên biết: Như Phật đã nói nơi ngã uẩn và tánh tất cánh thì chẳng thể được. Lại ở nơi kia mà chẳng nói nên lời. Như thế gọi là thật tế.

Gọi vô tướng tức là nói về chơn như, gọi là vô tướng, mà chơn như thì tên ấy cũng chỉ là giả để phân biệt vậy. Ở nơi danh từ kia cái tánh nó không thể như vậy. Phải biết cái tánh của chúng ta tức là tự tánh của pháp. Cho nên ở trong này hoặc người, hoặc pháp tất lia các tướng mà cùng một tướng. Một tướng này là tất cả pháp chẳng có tướng đối ngại, lia tất cả phân biệt, ở nơi tất cả một nghĩa, tự tánh chẳng động nên có tên là vô tướng.

Pháp giới tức là thập lực và quả pháp cùng với các nhơn pháp. Cho đến tất cả pháp tự tánh nương vào. Đây tức là pháp giới, ở nơi pháp giới này xa rời tất cả hư vọng điên đảo, tướng phân biệt v.v... Trí tuệ sáng suốt hiện tiền như thật chiếu sáng, nên có tên là pháp giới.

Lại nữa nên biết ở đây Chơn Như và Đại Viên Cảnh Trí tức là tất cả pháp chẳng thể làm nên. Chơn Như kia cũng không thể làm nên, tức các pháp tự tướng môn.

Lại nữa nên biết ở đây Chơn Như và Thập Lực kia tất cả đều lấy Đại Viên Cảnh Trí mà quán. Thật tế kia sở chứng và 4 vô sở úy đều lấy tánh trí bình đẳng mà quán. Vô tướng vi diệu thanh tịnh kia cùng với 4 vô ngại giải tánh đều lấy Diệu Quan sát Trí để quán. Tất cả các pháp chơn thật của pháp giới được chứng là nương vào tánh và Đại Từ Đại Bi. Tất cả đều al16y Thành Sở Tác Trí mà quán. Đây là tất cả xứ tăng thượng mà làm pháp quán. Tất cả đều được an trụ nơi pháp giới thanh tịnh trí.

Như thế tất cả pháp phải biết tất cả đều như vậy. Chánh ngữ cùng tương ưng với Bồ Đề Tâm. Đại từ tùy thuận tất cả chúng sanh. Là tất cả pháp bình đẳng, đồng như duyên vào. Tương ưng vô tướng, tối thượng pháp môn. Tổng nhiếp Ba La Mật Đa và tất cả các pháp. Tùy theo đây mà tương ưng với sự so sánh. Sự tương ưng này có tên tất cả pháp đều vô ngã. Người trí nên biết. Phật đã thuyết pháp từ cửa giải thoát như thật sanh ra.

Chư Phật trí huệ chẳng có trên
Hay nói nhơn, tánh lại vô biên
Ở kia vô biên, như thật biết
Tất cả tương ưng mà biểu thị
Các cửa tương ưng hiển các tánh
Tùy nghi phương tiện mà sanh ra
Huệ lớn hay làm tất viên thành
Ta vì lợi lạc nên đã nói.

Tập đại thừa tướng luận Quyển hạ hết

Dịch xong vào ngày 29 tháng 12 năm 2003

*Dịch kinh công đức thật vô cùng
Phước trí vô biên hồi hướng chung
Tất cả chúng sanh trong pháp giới
Đều về Tịnh Độ cõi lạc bang
Nguyện đem công đức này
Hướng về khắp tất cả
Đệ tử và chúng sanh
Đều trọn thành Phật đạo.*